



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
DẦU KHÍ SÀI GÒN  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



M S C

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 37



Handwritten text on the right margin.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0301055612 ngày 17 tháng 03 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn được gọi là Công ty mẹ, trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo hình thức sở hữu trong vốn điều lệ của các doanh nghiệp khác, gồm có:

- **Công ty con:** Là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 3 công ty:

- + **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100,00%

- + **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100,00%

- + **Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100,00%



**2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Ông Tạ Thái Mẫn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Lê Hoàng Thanh Thảo	Thành viên
Ông Lê Phương Nam	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Phan Sum	Thành viên
Bà Bùi Nguyễn Tường Anh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngoạn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc

**3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

**5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**





Số: 15.331/BCKTHN-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2015 từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất vấn đề sau: Như được trình bày tại mục 4.16 của thuyết minh đính kèm, Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu của năm trước theo kiến nghị nêu tại báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước về các báo cáo tài chính năm 2013 của Tập đoàn.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán được phát hành vào ngày 17 tháng 02 năm 2014. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 17 tháng 02 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**PHỤ TÓNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ NGỌC BẢO**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2136-2013-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã được điều chỉnh hồi tố)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>89.321.328.449</b>	<b>70.038.084.582</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>(5.1)</b>	<b>28.857.553.583</b>	<b>12.738.895.017</b>
1. Tiền	111		15.789.716.928	5.858.895.017
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.067.836.655	6.880.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>(5.2)</b>	<b>39.317.260.000</b>	<b>39.029.684.600</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		39.541.439.298	39.454.873.198
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(224.179.298)	(425.188.598)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>(5.3)</b>	<b>20.295.251.508</b>	<b>17.667.173.096</b>
1. Phải thu khách hàng	131		16.519.593.264	11.555.179.015
2. Trả trước cho người bán	132		213.853.200	94.550.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		3.771.552.944	6.017.444.081
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(209.747.900)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>851.263.358</b>	<b>602.331.869</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		128.563.754	180.638.962
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		164.492.698	133.969.402
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		325.930.046	63.084.901
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		232.276.860	224.638.604

(Phần tiếp theo ở trang 07)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã được điều chỉnh hồi tố)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.425.385.281</b>	<b>48.099.497.540</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.698.226.581</b>	<b>15.272.348.621</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	14.348.988.390	14.921.110.430
+ Nguyên giá	222		24.400.664.851	23.118.128.487
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.053.676.461)	(8.197.018.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.5)	351.238.191	351.238.191
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	(5.6)		<b>36.534.364</b>
+ Nguyên giá	241		4.611.658.284	4.611.658.284
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.611.658.284)	(4.575.123.920)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.7)	<b>2.100.000.000</b>	<b>2.081.254.465</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			1.781.254.465
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.100.000.000	300.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.627.158.700</b>	<b>30.709.360.090</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		264.000.000	784.357.990
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	24.363.158.700	29.925.002.100
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>130.746.713.730</b>	<b>118.137.582.122</b>

(Phần tiếp theo ở trang 08)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã được điều chỉnh hồi tố)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>71.865.544.469</b>	<b>59.758.340.999</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.379.200.926</b>	<b>13.789.977.036</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	303.830.100	931.245.200
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	189.173.000	373.006.030
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	5.712.178.232	5.021.678.240
5. Phải trả người lao động	315	(5.11)	1.330.586.373	1.743.126.490
6. Chi phí phải trả	316		90.000.000	55.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	12.765.434.376	4.736.131.790
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.13)	987.998.845	929.789.286
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>50.486.343.543</b>	<b>45.968.363.963</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.14)	48.256.843.543	43.763.863.963
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.15)	2.204.500.000	2.204.500.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		25.000.000	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>58.881.169.261</b>	<b>58.379.241.123</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.16.1)	<b>58.881.169.261</b>	<b>58.379.241.123</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.626.140.986	17.314.557.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.713.669.843	3.402.086.457
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.16.6)	7.541.358.432	7.662.597.066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>130.746.713.730</b>	<b>118.137.582.122</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.



**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		37.539,00	37.518,43
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ MẠNH HÙNG



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã được điều chỉnh hồi tố)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		190.678.371.047	160.707.137.263
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	190.678.371.047	160.707.137.263
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	172.153.278.583	145.194.791.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.525.092.464	15.512.345.796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.829.708.070	4.346.044.340
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	53.482.435	58.626.487
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		70.319.801	37.806.000
8. Chi phí bán hàng	24		127.824.479	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	14.895.403.111	12.974.156.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.278.090.509	6.825.606.658
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	1.822.527.882	3.372.734.318
12. Chi phí khác	32		63.795.500	57.238.400
13. Lợi nhuận khác	40		1.758.732.382	3.315.495.918
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		18.745.535	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.055.568.426	10.141.102.576
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	1.565.532.139	2.893.751.504
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		520.357.990	(35.924.207)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.969.678.297	7.283.275.279
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		6.969.678.297	7.283.275.279
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	70	(5.16.5)	2.323	2.428

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015




NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã được điều chỉnh hồi tố)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.055.568.426	10.141.102.576
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.893.192.768	1.851.578.232
Các khoản dự phòng	03		8.738.600	(895.612.347)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		13.154.467	(7.165.128)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.663.490.569)	(3.828.731.025)
Chi phí lãi vay	06		12.214.854	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		7.319.378.546	7.261.172.308
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.477.632.040)	(5.503.851.748)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.535.266.303	1.489.638.635
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		52.075.208	183.718.854
Tiền lãi vay đã trả	13		(12.214.854)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.413.833.544)	(2.427.761.921)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.902.764.999	527.493.165
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.518.021.020)	(1.052.324.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>18.387.783.598</b>	<b>478.084.928</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.282.536.364)	(1.327.981.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			609.444.443
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(53.300.000.000)	(69.936.854.774)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.986.400.000	58.150.454.774
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(48.815.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		143.413.900	387.582.290
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.215.937.034	4.023.134.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>2.763.214.570</b>	<b>(8.143.036.046)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 12)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã được điều chỉnh hồi tố)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.260.293.006	2.079.500.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.260.293.006)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.043.019.000)	(3.297.891.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.043.019.000)</b>	<b>(1.218.391.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>16.107.979.168</b>	<b>(8.883.342.118)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>12.738.895.017</b>	<b>21.612.242.807</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.679.398	9.994.328
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>28.857.553.583</b>	<b>12.738.895.017</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0301055612 ngày 17 tháng 03 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30 tỷ đồng.

Công ty có đầu tư vào 3 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.725 người (31/12/2013: 2.350 người). Trong đó, nhân viên chính tại văn phòng Công ty là 55 người (31/12/2013: 60 người).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Dịch vụ cung ứng lao động;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (trừ cho thuê đất), cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ cho mục đích kinh doanh (văn phòng làm việc, ki-ốt, trung tâm thương mại);
- Cho thuê kho, bãi đậu xe;
- Dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Điều hành tour du lịch;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội địa liên tỉnh;
- Khách sạn, nhà hàng, quán ăn (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý bán vé máy bay;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn giáo dục, du học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Giáo dục khác: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 1.3. Danh sách các công ty đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

### • Công ty mẹ:

**Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### • Công ty con: Là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 3 công ty:

#### + Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100,00%

#### + Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100,00%

#### + Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100,00%

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

### 4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### 4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 4.4. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
+ Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	03 - 07 năm

## 4.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho Phần mềm vi tính là 03 năm.

## 4.6. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## 4.7. Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhà cửa kiến trúc là 10 - 13 năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:
  - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
  - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

## 4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

## 4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2014, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận căn cứ theo Điều lệ của Công ty đối với tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 001/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2014 đối với tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 cho các cổ đông cụ thể như sau:

- Quỹ dự phòng tái chính trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập 15% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ đầu tư phát triển trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Chia cổ tức với tỷ lệ 12% trên mệnh giá cổ phiếu.

## 4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

## 4.12. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

## 4.13. Thuế

### ▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%.

### ▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dịch vụ cung ứng lao động	10%
+ Dịch vụ cho thuê nhà và ủy thác thuê nhà	10%
+ Kinh doanh lưu hành nội địa	10%
+ Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	0%
+ Kinh doanh lưu hành quốc tế	Không chịu thuế

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn.

## 4.14. Công cụ tài chính

### ▪ Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, tài sản tài chính khác.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**4.15. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**4.16. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Một vài số liệu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị nêu tại báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Đầu năm		VND
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>69.992.303.258</b>	<b>45.781.324</b>	<b>70.038.084.582</b>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.008.353.172	9.090.909	6.017.444.081
Chi phí trả trước ngắn hạn	113.938.962	66.700.000	180.638.962
Thuế GTGT được khấu trừ	163.978.987	(30.009.585)	133.969.402
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>47.623.901.359</b>	<b>475.596.181</b>	<b>48.099.497.540</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	351.238.191	351.238.191
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	660.000.000	124.357.990	784.357.990
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>61.561.664.966</b>	<b>(1.803.323.967)</b>	<b>59.758.340.999</b>
Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	4.085.554.605	936.123.635	5.021.678.240
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.475.579.392	(2.739.447.602)	4.736.131.790
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>56.054.539.651</b>	<b>2.324.701.472</b>	<b>58.379.241.123</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.337.895.594	2.324.701.472	7.662.597.066

Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh (Trích):

	Năm trước		VND
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
Chi phí tài chính	67.717.396	(9.090.909)	58.626.487
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.362.085.597	(387.928.606)	12.974.156.991
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.428.587.143	397.019.515	6.825.606.658
Thu nhập khác	633.286.716	2.739.447.602	3.372.734.318
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.004.635.459	3.136.467.117	10.141.102.576
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.957.627.869	936.123.635	2.893.751.504

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

	88.433.783	(124.357.990)	(35.924.207)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.958.573.807	2.324.701.472	7.283.275.279
<b>Bảng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):</b>			<b>VND</b>
	<b>Năm trước</b>		<b>Năm trước</b>
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	7.004.635.459	3.136.467.117	10.141.102.576
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(4.690.549.247)	861.818.222	(3.828.731.025)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	3.262.886.969	3.998.285.339	7.261.172.308
Tăng, giảm các khoản phải thu	(5.541.600.641)	37.748.893	(5.503.851.748)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(3.428.883.146)	4.918.521.781	1.489.638.635
Tăng, giảm chi phí trả trước	250.418.854	(66.700.000)	183.718.854
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.517.784.400	(6.990.291.235)	527.493.165
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(383.080.000)	(669.244.365)	(1.052.324.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(750.235.485)	1.228.320.413	478.084.928
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(976.743.627)	(351.238.191)	(1.327.981.818)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(43.781.822.317)	(26.155.032.457)	(69.936.854.774)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	33.153.301.064	24.997.153.710	58.150.454.774
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(48.815.000)	(48.815.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	387.582.290	387.582.290
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.703.665.581	(1.680.531.542)	4.023.134.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.292.154.856)	(2.850.881.190)	(8.143.036.046)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.920.451.777)	1.622.560.777	(3.297.891.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.840.951.777)	1.622.560.777	(1.218.391.000)



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	254.148.720	907.031.662
Tiền gửi ngân hàng	15.535.568.208	4.951.863.355
Các khoản tương đương tiền	<u>13.067.836.655</u>	<u>6.880.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>28.857.553.583</u></b>	<b><u>12.738.895.017</u></b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	541.439.298	768.473.198
Đầu tư ngắn hạn khác	<u>39.000.000.000</u>	<u>38.686.400.000</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b><u>39.541.439.298</u></b>	<b><u>39.454.873.198</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(224.179.298)</u>	<u>(425.188.598)</u>
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>39.317.260.000</u></b>	<b><u>39.029.684.600</u></b>

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	9.290	169.179.000	19.290	351.299.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú	-	-	500	35.275.500
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	2.400	134.827.022	2.400	134.827.022
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	2.400	59.389.600	2.400	59.389.600
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	57	3.442.220	50	3.442.220

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	2.000	140.000.000	2.000	140.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	100	3.058.756	100	3.058.756
Cổ phiếu Tổng Công ty Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam	2.000	26.723.500	2.000	26.723.500
Cổ phiếu Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát	1.000	4.819.200	3.000	14.457.600
<b>Cộng</b>	<b>19.247</b>	<b>541.439.298</b>	<b>31.740</b>	<b>768.473.198</b>

Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

## 5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	16.519.593.264	11.555.179.015
Trả trước cho người bán	213.853.200	94.550.000
Các khoản phải thu khác	<u>3.771.552.944</u>	<u>6.017.444.081</u>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>20.504.999.408</b>	<b>17.667.173.096</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(209.747.900)</u>	
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>20.295.251.508</u></b>	<b><u>17.667.173.096</u></b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 14.122.099.281 đồng - xem thêm mục 7.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền hỗ trợ từ Công ty Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	1.200.000.000	3.300.000.000
Phải thu tiền BHXH của Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam - xem thêm mục 7.	1.944.175.144	1.442.769.039
Phải thu chi phí thẩm định dự án khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM	280.692.700	210.692.700
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	329.348.000	816.920.000
Phải thu Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn SSI về tiền bán chứng khoán	-	15.264.000
Chi phí thẩm định giá Công ty con	-	9.090.909
Phải thu khác	<u>17.337.100</u>	<u>222.707.433</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.771.552.944</u></b>	<b><u>6.017.444.081</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÀU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	13.636.942.040	5.394.121.594	1.667.643.628	2.419.421.225	23.118.128.487
Mua trong năm	-	-	1.282.536.364	-	1.282.536.364
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.636.942.040</b>	<b>5.394.121.594</b>	<b>2.950.179.992</b>	<b>2.419.421.225</b>	<b>24.400.664.851</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.319.380.072	3.767.918.018	381.161.242	728.558.725	8.197.018.057
Khấu hao trong năm	1.170.390.264	238.710.000	192.717.236	254.840.904	1.856.658.404
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.489.770.336</b>	<b>4.006.628.018</b>	<b>573.878.478</b>	<b>983.399.629</b>	<b>10.053.676.461</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	10.317.561.968	1.626.203.576	1.286.482.386	1.690.862.500	14.921.110.430
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>9.147.171.704</b>	<b>1.387.493.576</b>	<b>2.376.301.514</b>	<b>1.436.021.596</b>	<b>14.346.988.390</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.439.088.567 đồng.

**5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí của Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ	224.246.809	224.246.809
Chi phí của Công trình 223 Bến Bình Đông	126.991.382	126.991.382
<b>Tổng cộng</b>	<b>351.238.191</b>	<b>351.238.191</b>

**5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	4.611.658.284	4.611.658.284
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.611.658.284</b>	<b>4.611.658.284</b>

<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	4.575.123.920	4.575.123.920
Khấu hao trong năm	36.534.364	36.534.364
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>4.611.658.284</u></b>	<b><u>4.611.658.284</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	36.534.364	36.534.364
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.611.658.284 đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

**5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	1.781.254.465
Đầu tư dài hạn khác	<u>2.100.000.000</u>	<u>300.000.000</u>
<b>Cộng các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>2.081.254.465</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b><u>2.100.000.000</u></b>	<b><u>2.081.254.465</u></b>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	2,72%	1.800.000.000
Tiền gửi dài hạn 3 năm tại Ngân hàng Ngoại Thương		<u>300.000.000</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>2.100.000.000</u></b>



**5.8. Tài sản dài hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc tiền thuê nhà số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	20.758.158.700	28.535.922.100
Đặt cọc tiền thuê nhà số 16 Phùng Khắc Hoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	50.000.000	50.000.000
Đặt cọc thuê nhà B2-1001 Tháp Boulevard, City Garden	-	34.080.000
Đặt cọc thuê nhà B2-201 Tháp Boulevard, City Garden	55.000.000	55.000.000
Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Đông Á để xin giấy phép cho thuê lại lao động	2.000.000.000	-
Ký quỹ hoạt động xuất khẩu lao động cho công ty	1.000.000.000	1.000.000.000
Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành	500.000.000	250.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.363.158.700</b>	<b>29.925.002.100</b>

**5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	303.830.100	931.245.200
Người mua trả tiền trước	189.173.000	373.006.030
<b>Tổng cộng</b>	<b>493.003.100</b>	<b>1.304.251.230</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Người mua trả tiền trước chủ yếu là các khoản tiền khách hàng ứng trước cho các tour du lịch.

**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.509.349.119	1.198.140.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.085.201	1.608.541.461
Thuế thu nhập cá nhân	101.238.508	21.269.897
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.002.570.000	2.098.459.960
Các loại thuế khác	75.935.404	95.266.551
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.712.178.232</b>	<b>5.021.678.240</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.11. Phải trả người lao động**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả lương nhân viên trong công ty	1.292.257.610	1.702.143.719
Phải trả lương nhân viên ngoài công ty	<u>38.328.763</u>	<u>40.982.771</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.330.586.373</u></b>	<b><u>1.743.126.490</u></b>

**5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn		1.600.000.000
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	1.200.000.000	3.000.000.000
Lao động đi nước ngoài	11.448.502.005	81.165.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>116.932.371</u>	<u>54.966.790</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.765.434.376</u></b>	<b><u>4.736.131.790</u></b>

**5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	929.789.286	790.186.513
Trích lập trong năm	934.750.159	886.142.973
Tặng khác	260.000.000	120.000.000
Sử dụng trong năm	<u>(1.136.540.600)</u>	<u>(866.540.200)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>987.998.845</u></b>	<b><u>929.789.286</u></b>

(Phần tiếp theo trang 27)



**5.14. Phải trả dài hạn khác**

Là các khoản nhận ký quỹ ký cược và được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Giáo Dục Quốc Tế (IEC)	40.569.883.543	43.344.283.963
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	82.000.000	82.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kim Hoa	105.000.000	105.000.000
Đoàn Văn Dũng	13.500.000	13.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Huy Đức	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Nhà Bè	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH CGP Việt Nam	27.500.000	55.000.000
Công ty TNHH Scan Global Logistics Việt Nam	-	34.080.000
Công ty TNHH Cetus Việt Nam	27.500.000	-
Ký quỹ xuất khẩu LĐ của người lao động đi nước ngoài	<u>7.301.460.000</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>48.256.843.543</u></b>	<b><u>43.763.863.963</u></b>

**5.15. Vay và nợ dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay và nợ dài hạn	2.204.500.000	2.204.500.000

Vay và nợ dài hạn là khoản các tiền vay từ người lao động đi nước ngoài từ trước năm 2013 như một hình thức ký quỹ nhằm tránh tình trạng bỏ trốn của người lao động (Theo Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 thì từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 mới được phép thu tiền ký quỹ đối với lao động đi nước ngoài).

(Phần tiếp theo ở trang 28)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**  
Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.16. Vốn chủ sở hữu**

**5.16.1 Biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	17.019.176.609	3.106.705.466	5.395.226.742	55.521.108.817
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.283.275.279	7.283.275.279
Trích lập quỹ	-	295.380.991	295.380.991	(1.476.904.955)	(886.142.973)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
Thường Ban Quản lý, điều hành	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(39.000.000)	(39.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>17.314.557.600</b>	<b>3.402.086.457</b>	<b>7.662.597.066</b>	<b>58.379.241.123</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.969.678.297	6.969.678.297
Trích lập quỹ	-	311.583.386	311.583.386	(1.557.916.931)	(934.750.159)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.100.000.000)	(5.100.000.000)
Thường Ban Quản lý, điều hành	-	-	-	(415.000.000)	(415.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(18.000.000)	(18.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>17.626.140.986</b>	<b>3.713.669.843</b>	<b>7.541.358.432</b>	<b>58.881.169.261</b>

**5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	15.300.000.000	51%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	14.700.000.000	49%	14.700.000.000	49%
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.16.3 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm	5.043.019.000	3.297.891.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2014 thì cổ tức năm 2013 được chi trả bằng tiền với tỷ lệ là 12%. Tỷ lệ chi trả cổ tức theo kế hoạch cho năm 2014 là 12%.

**5.16.4 Cổ phần**

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

**5.16.5 Lãi cơ bản trên cổ phần**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	6.969.678.297	7.283.275.279
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	<u>3.000.000</u>	<u>3.000.000</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b><u>2.323</u></b>	<b><u>2.428</u></b>

**5.16.6 Phân phối lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	7.662.597.066	5.395.226.742
Trích cổ tức năm trước và năm nay	(5.100.000.000)	(3.300.000.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	6.969.678.297	7.283.275.279
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(311.583.386)	(295.380.991)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(311.583.386)	(295.380.991)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(934.750.159)	(886.142.973)
Thưởng Ban Quản lý điều hành	(415.000.000)	(200.000.000)
Giảm khác	<u>(18.000.000)</u>	<u>(39.000.000)</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>7.541.358.432</u></b>	<b><u>7.662.597.066</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	-	20.341.818
Doanh thu dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	148.266.213.322	106.269.536.849
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	21.174.984.320	19.130.110.668
Doanh thu dịch vụ du lịch	<u>21.237.173.405</u>	<u>35.287.147.928</u>
Doanh thu thuần	<u>190.678.371.047</u>	<u>160.707.137.263</u>

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan với số tiền 137.784.362.064 đồng - xem thêm mục 7.

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	-	14.400.000
Giá vốn dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	139.663.375.421	100.332.655.865
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	11.983.640.069	10.748.103.545
Giá vốn dịch vụ du lịch	<u>20.506.263.093</u>	<u>34.099.632.057</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>172.153.278.583</u></b>	<b><u>145.194.791.467</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.707.745.434	4.149.001.978
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.619.600	19.733.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.112.158	3.865.771
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.005.879	10.405.272
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<u>2.224.999</u>	<u>163.037.919</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.829.708.070</u></b>	<b><u>4.346.044.340</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	70.319.801	37.806.000
Lỗ do bán chứng khoán	83.620.000	803.847.457
Chi phí định giá công ty con	9.090.909	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(201.009.300)	(814.342.483)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.276.557	27.082.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.572.339	2.828.843
Chi phí tài chính khác	<u>612.129</u>	<u>1.404.117</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>53.482.435</b></u>	<u><b>58.626.487</b></u>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.659.288.600	7.564.299.439
Chi phí nguyên vật liệu	199.544.186	53.456.728
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.332.609	76.845.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	299.128.964	147.911.160
Thuế, phí và lệ phí	2.434.731.244	722.730.053
Chi phí dự phòng	209.747.900	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.543.190	1.340.845.191
Chi phí bằng tiền khác	<u>2.900.086.418</u>	<u>3.068.068.976</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>14.895.403.111</b></u>	<u><b>12.974.156.991</b></u>

**6.6. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT- Dầu khí	1.800.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	609.444.443
Thu nhập khác	<u>22.527.882</u>	<u>2.763.289.875</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>1.822.527.882</b></u>	<u><b>3.372.734.318</b></u>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.055.568.426	10.141.102.576
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	544.970.651	1.565.537.317
Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(12.433.500)	(16.071.800)
- Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo hợp nhất	(18.745.535)	
- Khác	(2.297.431.960)	-
Thu nhập chịu thuế	7.271.928.082	11.690.568.093
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 20%	1.714.601.907	577.810.385
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 22%	5.557.326.175	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 25%	-	11.112.757.708
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp hiện hành</b>	<b>1.565.532.139</b>	<b>2.893.751.504</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS, phạt vi phạm hành chính, chi phí không có hóa đơn chứng từ,...

Các khoản điều chỉnh giảm khác chủ yếu là khoản thu nhập từ tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT- Dầu khí đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước,...

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	27.103.275	18.973.091
Chi phí nhân công	147.271.781.500	107.687.368.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.893.192.768	1.851.578.232
Chi phí dự phòng	209.747.900	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.285.125.343	44.302.701.208
Chi phí bằng tiền khác	6.489.555.387	4.308.327.727
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.176.506.173</b>	<b>158.168.948.458</b>



**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể (Chủ tịch HĐQT là Thành viên HĐQT Công ty mẹ)
3. Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt
4. Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt
5. Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam		
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 5.3	14.122.099.281	9.832.497.246
Phải thu khác - xem thêm mục 5.3	1.944.175.144	1.442.769.039

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1	137.784.362.064	101.796.135.550

- Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.679.624.000	1.400.166.000
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	<u>367.625.000</u>	<u>365.653.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>2.047.249.000</b></u>	<u><b>1.765.819.000</b></u>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.857.553.583	12.738.895.017
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.639.193.364	12.524.794.015
Đầu tư ngắn hạn	39.317.260.000	39.029.684.600
Đầu tư dài hạn khác	2.100.000.000	300.000.000
Tài sản tài chính khác	<u>24.369.158.700</u>	<u>29.931.002.100</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>111.283.165.647</u></b>	<b><u>94.524.375.732</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	2.204.500.000	2.204.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	52.808.191.048	44.778.383.163
Chi phí phải trả	90.000.000	55.000.000
Công nợ tài chính khác	<u>7.301.460.000</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>62.404.151.048</u></b>	<b><u>47.037.883.163</u></b>

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Tập đoàn không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

## ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

## ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	14.142,00	39.021,97	37.539,00	37.518,43
Yên Nhật (JPY)	-	-	5.747.500	2.073.000

### Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

## ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tập đoàn có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 7.

## ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	-	2.204.500.000	2.204.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.852.807.505	40.955.383.543	52.808.191.048
Chi phí phải trả	90.000.000	-	90.000.000
Công nợ tài chính khác	-	7.301.460.000	7.301.460.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	-	2.204.500.000	2.204.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.014.519.200	43.763.863.963	44.778.383.163
Chi phí phải trả	55.000.000	-	55.000.000

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.639.193.364	-	16.639.193.364
Đầu tư ngắn hạn	39.317.260.000	-	39.317.260.000
Đầu tư dài hạn khác	-	2.100.000.000	2.100.000.000
Tài sản tài chính khác	6.000.000	24.363.158.700	24.369.158.700
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.524.794.015	-	12.524.794.015
Đầu tư ngắn hạn	39.029.684.600	-	39.029.684.600
Đầu tư dài hạn khác	-	300.000.000	300.000.000
Tài sản tài chính khác	6.000.000	29.925.002.100	29.931.002.100



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 01 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**

Số chứng thực .....0-1-4-5-0-9-

quyển số 5 ..... SCT/BS

Ngày 06 tháng 5 năm 2016

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT P.TÂN ĐỊNH



*Phan Ngọc Châu*